



PHIẾU KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA KHOA KINH TẾ - QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

(Dành cho **Đơn vị sử dụng lao động**)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp (KT-QLCN), Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ rất mong quý đơn vị hỗ trợ đóng góp ý kiến cho Khoa. Xin cam đoan mọi thông tin trong phiếu khảo sát chỉ dùng cho mục đích cải tiến để nâng cao chất lượng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của các ngành do Khoa đào tạo.

Ngành: KTHTCN QLCN LOGISTICS QTKD TCNH KETOAN

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ tên đáp viên: Chức vụ:

Tên đơn vị:

Địa chỉ đơn vị:

Số điện thoại liên hệ: Fax: Email:

Số lượng lao động tại đơn vị: người Năm thành lập đơn vị:

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Trong mỗi câu hỏi, quý đơn vị vui lòng đánh dấu (✓) vào ô lựa chọn

1. Loại hình hoạt động của quý đơn vị là gì?

- | | | |
|--|--|---------------------------------------|
| <input type="radio"/> Tổ chức/DN Nhà nước | <input type="radio"/> DN 100% vốn nước ngoài | <input type="radio"/> Hộ KD cá thể |
| <input type="radio"/> Doanh nghiệp liên doanh nước ngoài | <input type="radio"/> Doanh nghiệp tư nhân | <input type="radio"/> Công ty cổ phần |
| <input type="radio"/> Công ty trách nhiệm hữu hạn | <input type="radio"/> Công ty hợp doanh | <input type="radio"/> Khác: |

2. Lĩnh vực hoạt động của quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Công nghiệp, đầu tư, xây dựng | <input type="checkbox"/> Thương mại, du lịch |
| <input type="checkbox"/> Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | <input type="checkbox"/> Giáo dục |
| <input type="checkbox"/> Vận tải, bưu chính, viễn thông, CNTT | <input type="checkbox"/> Y tế |
| <input type="checkbox"/> Lĩnh vực khác (ghi rõ): | |

3. Hình thức thông tin tuyển dụng mà quý đơn vị đang áp dụng? (có thể chọn nhiều phương án)

- Thông báo tuyển dụng trên website của đơn vị
- Thông báo tuyển dụng trên các website chuyên thông tin việc làm
- Thông báo tuyển dụng trên báo, tạp chí giấy
- Thông báo tuyển dụng trên truyền hình, báo điện tử
- Thông báo tuyển dụng trên fanpage, mạng xã hội
- Thông báo tuyển dụng gửi đến các Trường đại học
- Khác (nêu rõ:))

4. Quý đơn vị có sử dụng lao động là người học (NH) do Khoa KT-QLCN đào tạo không?

- Không → trả lời tiếp từ Câu 10 đến hết
- Có → trả lời tiếp từ Câu 05 đến hết

5. Hình thức sử dụng NH do Khoa đào tạo của quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- Nhận NH thực tập → Số lượng thực tập: NH; Trong đó, Nam:NH; Nữ:NH.
- Tuyển dụng NH → Số lượng tuyển dụng: NH; Trong đó, Nam:NH; Nữ:NH.



6. Vị trí công việc của NH do Khoa đào tạo đã thực tập/làm việc tại quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Công nhân | <input type="checkbox"/> Nhân viên bảo vệ |
| <input type="checkbox"/> Nhân viên văn phòng | <input type="checkbox"/> Nhân viên kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Quản lý cấp cơ sở (trưởng/phó xưởng, chuyên, ...) | <input type="checkbox"/> Quản lý cấp trung (trưởng/phó Phòng) |
| <input type="checkbox"/> Quản lý cấp cao (lãnh đạo) | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ): |

7. Vui lòng đánh giá năng lực NH do Khoa KT-QLCN đào tạo so với yêu cầu sử dụng lao động của quý đơn vị? (đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Yếu; 2-Trung bình; 3-Khá; 4-Tốt; 5-Xuất sắc						
7.1	Kiến thức chuyên ngành	①	②	③	④	⑤
7.2	Khả năng vận dụng ngoại ngữ trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.3	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.4	Kỹ năng giải quyết vấn đề trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.5	Kỹ năng lập kế hoạch	①	②	③	④	⑤
7.6	Kỹ năng giao tiếp	①	②	③	④	⑤
7.7	Kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập	①	②	③	④	⑤
7.8	Kỹ năng làm việc, hợp tác nhóm	①	②	③	④	⑤
7.9	Kỹ năng quản lý/lãnh đạo nhóm	①	②	③	④	⑤
7.10	Kỹ năng thuyết trình, báo cáo	①	②	③	④	⑤
7.11	Tính kỷ luật trong tuân thủ các nội quy	①	②	③	④	⑤
7.12	Tinh thần trách nhiệm	①	②	③	④	⑤
7.13	Tinh thần ham học hỏi và cầu tiến	①	②	③	④	⑤
7.14	Đánh giá chung về năng lực của cựu NH làm việc tại đơn vị	①	②	③	④	⑤

8. Vui lòng đánh giá khả năng đáp ứng công việc của NH do Khoa KT-QLCN đào tạo ngay sau khi được nhận thực tập hoặc được tuyển dụng vào đơn vị?

- Đáp ứng ngay yêu cầu công việc
 Đáp ứng ở mức cơ bản và cần đào tạo bổ sung
 Đào tạo lại → Cho biết cần bao nhiêu thời gian để thực hiện đào tạo lại.....tháng.

9. Theo quý đơn vị, nếu đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung thì cần tập trung đào tạo những nội dung gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên môn | <input type="checkbox"/> Kỹ năng nghiệp vụ |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng mềm | <input type="checkbox"/> Tác phong, thái độ |
| <input type="checkbox"/> Ngoại ngữ | <input type="checkbox"/> Công nghệ thông tin |
| <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ:.....) | |

10. Quý đơn vị có dự kiến nhận thực tập hay tuyển dụng NH do Khoa KT-QLCN đào tạo trong thời gian tới không?

- Không → Trả lời tiếp từ Câu 13 đến hết Có → Trả lời tiếp từ Câu 11 đến hết

11. Quý đơn vị dự kiến sử dụng NH của Khoa theo hình thức nào (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|--|------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Dự kiến nhận thực tập ngành nghề/tốt nghiệp | → Số lượng nhận thực tập: NH |
| <input type="checkbox"/> Dự kiến tuyển dụng làm việc | → Số lượng tuyển dụng: NH |



12. Quý đơn vị dự kiến nhận thực tập hay tuyển dụng ngành nào do Khoa đào tạo (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | <input type="checkbox"/> Quản lý công nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | <input type="checkbox"/> Quản trị kinh doanh |
| <input type="checkbox"/> Tài chính - Ngân hàng | <input type="checkbox"/> Kế toán |

13. Theo quý đơn vị, NH tốt nghiệp các ngành do Khoa đào tạo có thể ứng tuyển vào những vị trí thực tập hay vị trí công tác nào cụ thể?

14. Đánh giá về tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐH KTCN Cần Thơ và Khoa KT-QLCN

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5- Rất đồng ý						
14.1	Tầm nhìn của Trường ĐH KTCN CT (ở Phụ lục tr. a) là phù hợp và đáp ứng tốt nhu cầu của các bên liên quan.	①	②	③	④	⑤
14.2	Sứ mạng của Trường ĐH KTCN CT(ở Phụ lục tr. a) thể hiện được triết lý hoạt động và giá trị tổ chức với các bên liên quan.	①	②	③	④	⑤
14.3	Tầm nhìn của Khoa KT-QLCN (ở Phụ lục tr. a) là phù hợp, thể hiện được mục tiêu phát triển Khoa.	①	②	③	④	⑤
14.4	Sứ mạng của Khoa KT-QLCN (ở Phụ lục tr. a) thể hiện được triết lý hoạt động và giá trị cống hiến của Khoa.	①	②	③	④	⑤

15. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về MỤC TIÊU ĐÀO TẠO của ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
15.1	NH tốt nghiệp có các Kiến thức (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤
15.2	NH tốt nghiệp có các Kỹ năng (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤
15.3	NH tốt nghiệp đạt Mức tự chủ và trách nhiệm (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤

16. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về CHUẨN ĐẦU RA của ngành QTKD do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
16.1	NH tốt nghiệp có các Kiến thức (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤
16.2	NH tốt nghiệp có các Kỹ năng (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤
16.3	NH tốt nghiệp đạt Mức tự chủ và trách nhiệm (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤



17. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** của ngành QTKD (*trình bày ở Phụ lục*) do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
17.1	Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng và phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.2	Chuẩn đầu ra của ngành học phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.3	CTĐT của ngành có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, giữa lý thuyết và thực hành	①	②	③	④	⑤
17.4	CTĐT của ngành đáp ứng nhu cầu thực tiễn	①	②	③	④	⑤
17.5	Thời lượng các học phần trong CTĐT là phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.6	Nhìn chung, quý đơn vị hài lòng về CTĐT của ngành khảo sát	①	②	③	④	⑤

18. Học phần nào **không cần thiết** trong CTĐT của ngành QTKD?

19. Học phần nào **cần bổ sung** vào CTĐT của ngành QTKD?

20. Những **thiết bị, phần mềm** nào giúp hỗ trợ đào tạo ngành QTKD?

21. Những thiết bị, phần mềm nào thiết yếu để hỗ trợ giảng dạy/học tập tại Khoa KT-QLCN tốt hơn?..

22. Quý đơn vị vui lòng đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Khoa KT-QLCN qua các tiêu chí sau (đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
22.1	MTĐT của Khoa rõ ràng và phù hợp với thực tiễn xã hội	①	②	③	④	⑤
22.2	CTĐT các ngành học của Khoa đáp ứng tốt đặc thù ngành và đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội	①	②	③	④	⑤
22.3	Số lượng và chất lượng đội ngũ GV của Khoa đảm bảo yêu cầu giáo dục đại học	①	②	③	④	⑤
22.4	Cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho giảng dạy và học tập	①	②	③	④	⑤
22.5	Định kỳ có thực hiện cập nhật, cải tiến CTĐT qua tham vấn ý kiến các bên liên quan	①	②	③	④	⑤
22.6	Bên cạnh chuyên môn, Khoa có chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, thái độ và tác phong kỷ luật cho NH	①	②	③	④	⑤
22.7	Chủ động liên kết doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và giới thiệu ứng viên tuyển dụng	①	②	③	④	⑤
22.8	Chủ động hợp tác với doanh nghiệp trong ứng dụng và chuyển giao các sản phẩm NCKH của Khoa	①	②	③	④	⑤

23. Những ý kiến đóng góp khác của quý đơn vị dành cho Khoa KT-QLCN?

(Đính kèm Phụ lục các thông tin của Trường và Khoa)

Xin chân thành cảm ơn Quý đơn vị đã hỗ trợ hoàn thành phiếu khảo sát này!



PHỤ LỤC

(i) Thông tin của Câu 14

Tầm nhìn của Trường ĐH KTCN CT: “Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Sứ mạng của Trường ĐH KTCN CT: “Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước”.

Tầm nhìn của Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp: “Đến năm 2030, phấn đấu xây dựng Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp trở thành Khoa phát triển bền vững, hướng đến một trong những đơn vị chủ lực, chuyên nghiệp trong mạng lưới các cơ sở đào tạo đại học ở ĐBSCL, về việc cung cấp năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật có chất lượng, uy tín. Là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng rộng rãi các công cụ, các phương pháp mới về phân tích dữ liệu lớn, nghiên cứu và chuyển giao các mô hình kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Là một trong những Khoa chủ lực của trường ĐH KTCN CT, triển khai các chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có uy tín trong cả nước, người học có năng lực tự khởi nghiệp sáng tạo và làm việc hiệu quả trong môi trường cả nước và quốc tế”.

Sứ mạng của Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp: “Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật có chất lượng, uy tín đáp ứng nhu cầu phát triển chung của trường, của thành phố Cần thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước”.

(ii) Thông tin của Câu 15

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO của ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD)

*** Kiến thức:**

PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội để phục vụ phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân của người học.

PO2: Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế nói chung và ngành Quản trị kinh doanh nói riêng.

*** Kỹ năng:**

PO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp thuộc ngành Quản trị kinh doanh để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp..

*** Mức tự chủ và trách nhiệm:**

PO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Quản trị kinh doanh và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

PO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng; ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

(iii) Thông tin của Câu 16

CHUẨN ĐẦU RA của ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD)

*** Kiến thức:**

K1: Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và các vấn đề cơ bản về quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Có sức khỏe tốt và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

K2: Có kiến thức cơ bản về toán học, tin học, khoa học tự nhiên và xã hội, pháp luật đại cương để phân tích, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và cuộc sống

K3: Vận dụng được các lý thuyết kinh tế vi mô và vĩ mô để phân tích, giải thích các hiện tượng kinh tế; ứng dụng được các công cụ thống kê để phân tích định lượng giúp đưa ra các quyết định quản trị trong doanh nghiệp.

K4: Có kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính tiền tệ, marketing, quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất và vận dụng các kiến thức này để đưa ra các quyết định quản trị.

K5: Vận dụng các kiến thức về quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng, quan hệ khách hàng, quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp để giải quyết và đề xuất các biện pháp cải tiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

K6: Phân tích môi trường kinh doanh để hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; chiến lược tuyển chọn, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp; xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

K7: Có kiến thức và vận dụng kiến thức của các học phần chuyên ngành để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, thu mua - tiêu thụ, marketing... Có kiến thức về tâm lý quản lý và nghệ thuật lãnh đạo.

K8: Sử dụng các kiến thức quản trị doanh nghiệp để hình thành ý tưởng kinh doanh và xây dựng các dự án khởi



ngành kinh doanh.

*** Kỹ năng:**

S1: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề chuyên môn; phân tích, thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế nói chung và quản trị kinh doanh nói riêng.

S2: Có kỹ năng giao tiếp tốt, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy hệ thống.

S3: Có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc quản lý và sử dụng được một số phần mềm xử lý dữ liệu thống kê.

*** Mức tự chủ và trách nhiệm:**

C1: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

C2: Có năng lực tổ chức thực hiện công việc, học tập, rèn luyện để phát triển bản thân. Thể hiện tác phong công nghiệp, làm việc có kế hoạch và khoa học.

C3: Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Tuân thủ quy định của pháp luật.

(iv) Thông tin của Câu 17

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO của ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD)

*** Thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Business Administration
- Mã số ngành đào tạo: 7340101
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Đơn vị quản lý: Khoa KT-QLCN

- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Thời gian đào tạo: 4 năm

*** Cấu trúc chương trình dạy học**

- Tổng số tín chỉ: 130 TC (không bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng và An Ninh, học phần Giáo dục thể chất), trong đó: tổng số tín chỉ bắt buộc: 108 và tổng số tín chỉ tự chọn: 22.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
1. Kiến thức giáo dục đại cương				43	41	2			
1	CB040	Triết học Mác – Lênin	1	3	3		45	0	
2	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2		30	0	CB040 (a)
3	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30	0	CB041 (a)
4	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30	0	CB042 (a)
5	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30	0	CB043 (a)
6	CB033	Giải tích 1	1	3	3		45	0	
7	CB003	Đại số tuyến tính	1	2	2		30	0	
8	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60	0	
9	CB004	Pháp luật đại cương	1	2	2		30	0	
10	CB006	Xác suất và thống kê	2	2	2		30	0	
11	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45	0	CB023 (a)
12	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45	0	CB024 (a)
13	CB050	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam*	2	2	2		37	8	
14	CB051	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*	2	2	2		22	8	
15	CB052	GDQP&AN 3: Quân sự chung*	2	2	2		14	16	
16	CB053	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	2	2	2		4	56	
17	CB035	Giáo dục thể chất 1	2	1	1		15	30	
18	CB036	Giáo dục thể chất 2	2	1	1		15	30	CB035



19	CB037	Giáo dục thể chất 3	2	1	1		15	30	CB036
20	TT092	Tin học căn bản	3	2		2	15	30	
21	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	3	2			30	0	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				98	78	20			
2.1 Kiến thức cơ sở ngành				34	30	4			
22	QL009	Quản trị học đại cương	1	2	2		30	0	
23	QL035	Kế toán đại cương	2	2	2		30	0	
24	QL030	Marketing căn bản	2	2	2		30	0	
25	QL111	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	2	2	2		30	0	
26	QL038	Luật kinh tế	2	2	2		30	0	CB004 (a)
27	QL109	Kinh tế vi mô	3	3	3		45	0	
28	QL112	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	2	2		30	0	CB006 (a)
29	QL113	Văn hóa doanh nghiệp	3	2	2		30	0	
30	CB012	Kỹ năng giao tiếp	3	2		2	30	0	
31	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	3	2			30	0	
32	QL110	Kinh tế vĩ mô	4	3	3		45	0	QL109 (a)
33	QL002	Quản lý sản xuất	4	3	3		45	0	
34	QL117	Phân tích định lượng trong kinh doanh	4	3	3		45	0	
35	QL028	Thuế	4	2	2		30	0	
36	QL076	Kinh tế quốc tế	4	2		2	30	0	
37	QL058	Nghệ thuật lãnh đạo	4	2			30	0	QL009 (a)
38	QL143	Phương pháp nghiên cứu khoa học cho khối ngành quản lý	5	2	2		30	0	
2.2 Kiến thức chuyên ngành				64	48	16			
39	QL017	Quản trị nhân sự	4	2	2		30	0	QL009 (a)
40	QL048	Quản trị marketing	5	2	2		30	0	QL009 (a), QL030 (a)
41	QL116	Quản trị tài chính doanh nghiệp	5	3	3		45	0	QL111 (a)
42	QL063	Thương mại điện tử	5	2	2		30	0	
43	QL074	Quản trị doanh nghiệp	5	2	2		30	0	QL009 (b)
44	QL107	Thanh toán quốc tế	5	2		4	30	0	
45	QL118	Hệ thống kiểm soát nội bộ	5	2			30	0	
46	QL106	Đàm phán trong kinh doanh	5	2			30	0	
47	QL114	Nghiên cứu marketing	6	2	2		30	0	QL030 (a)
48	QL115	Anh văn chuyên ngành kinh tế	6	2	2		30	0	
49	QL051	Kế toán quản trị	6	3	3		45	0	QL009 (a), QL035 (b)
50	QL021	Quản lý chất lượng	6	3	3		45	0	CB006 (a)
51	QL121	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	6	2	2		30	0	



52	QL122	Thực tập thực tế Chuyên đề QTKD	6	2	2		0	90	QL017 (a), QL074 (a)
53	QL123	Thực tập thực tế ngành nghề QTKD	6	3	3		0	135	
54	QL134	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	6	3	3		45	0	
55	QL120	Hành vi khách hàng	6	2		2	30	0	QL048 (a), QL109 (a)
56	QL062	Lập và thẩm định dự án đầu tư	6	2			30	0	
57	QL119	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	7	2	2		30	0	
58	QL124	Quản trị dự án	7	2	2		30	0	
59	QL135	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	7	3	3		45	0	CB006 (a), QL074 (a)
60	QL125	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	7	3	3		45	0	QL009 (a), QL030 (a)
61	QL126	Quản trị thu mua - bán hàng	7	3	3		45	0	
62	QL127	Quản trị kinh doanh dịch vụ	7	2	2		30	0	
63	QL097	Phân tích hoạt động kinh doanh	7	2	2		30	0	
64	QL129	Khóa luận tốt nghiệp - Quản trị kinh doanh	8	10		10	0	450	
65	QL130	Thực tập tốt nghiệp - Quản trị kinh doanh	8	10			0	450	
66	QL014	Quản lý chuỗi cung ứng và hậu cần	8	3			45	0	
67	QL131	Quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	8	2			30	0	
68	QL132	Quản trị sự thay đổi	8	3			45	0	QL009 (a), QL074 (a)
69	QL133	Quản trị thương hiệu	8	2			30	0	
		Tổng		141	119	22			

Học phần có dấu () là những học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.*